

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/DS-PT

Ngày: 25/8/2025

V/v: “Yêu cầu chia di sản thừa kế”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán:

Ông **Đặng Kim Nhân**

Ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Nguyệt Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 450/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà **Đinh Thị Thu H**, sinh năm 1959. Địa chỉ: **A L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường C, tỉnh Quảng Ngãi)**; vắng mặt.

- Bà **Đinh Thị Kim H1**, sinh năm 1954. Địa chỉ: **I Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk)**; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà H, bà H1: Ông **Hoàng Gia Trung Ý Thượng N**, sinh năm 1981; Địa chỉ: **I Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk)**; có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Công H2**, sinh năm 1956; Địa chỉ: **Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk)**; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Đinh Công Hoàng H3**, sinh năm 1953; Số hộ chiếu: 90901377;

Địa chỉ: **KällMossvägen 13, 1836 älta, Vương quốc T**; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Đinh Thị Yên V**, sinh năm 1969. Địa chỉ: **Thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk)**; vắng mặt.

- Bà **Đinh Thị Vân H4**, sinh năm 1962; Địa chỉ: **Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.
- Ông **Đinh Công H5**, sinh năm 1964; Địa chỉ: **Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.
- Ông **Đinh Công H6**, sinh năm 1966; Địa chỉ: **Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.
- Bà **Đinh Thị Yên V**, sinh năm 1969; Địa chỉ: **Thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.
- Ông **Đinh Công H7**, sinh năm 1973; Địa chỉ: **C đường số A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh**; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn là ông **Đinh Công H2** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Đinh Công H7**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đồng nguyên đơn bà **Đinh Thị Thu H, **Đinh Thị Kim H1**, đại diện theo ủy quyền của bà **H**, bà **H1** trình bày:**

Bố bà **H**, bà **H1** là ông **Đinh Công T**, sinh năm 1930 và mẹ là bà **Nguyễn Thị H8**, sinh năm 1929. Quá trình sinh sống ông **T**, bà **H8** có 10 người con gồm bà **Đinh Thị Thu H**, bà **Đinh Thị Kim H1**, ông **Đinh Công H2**, ông **Đinh Công Hoàng H3**, bà **Đinh Thị Vân H4**, ông **Đinh Công H5**, ông **Đinh Công H6**, bà **Đinh Thị Yên V**, ông **Đinh Công H7** và bà **Đinh Thị Ngọc H9**, sinh năm 1960 (Đã chết năm 1976). Ông **Đinh Công T** và bà **Nguyễn Thị H8** sống chung với nhau từ năm 1952, có đăng ký kết hôn vào năm 1958. Đến năm 2005 thì ông **T** mất, đến năm 2016 bà **H8** mất.

Trong quá trình chung sống, ông **T**, bà **H8** tạo dựng được khối tài sản gồm 03 thửa đất, cụ thể:

+ Thửa số 316, tờ bản đồ số 7, diện tích 2840m², mục đích sử dụng khu dân cư, được cấp Giấy CNQSDĐ vào ngày 28/11/1995, số D 0347529 mang tên Hộ ông **Đinh Công T**, trên đất có 01 nhà gỗ nhỏ. Diện tích đất này bị thu hồi 1497,8m², nay chỉ còn lại 1342,2m², số tiền bồi thường đã được chia đều cho 9 người con. Ngoài ra, trên đất có 01 số cây sầu riêng của ông bà trồng từ trước, giá trị không đáng kể. Thửa đất tọa lạc tại **Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

+ Thửa số 318, tờ bản đồ số 7, diện tích 760m², mục đích sử dụng khu dân cư, được cấp Giấy CNQSDĐ vào ngày 28/11/1995, số D 0347528 mang tên Hộ ông **Đinh Công T**, trên đất có 01 nhà kho không có giá trị sử dụng. Thửa đất tọa lạc tại **Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

+ Thửa số 141, tờ bản đồ số 13, diện tích 4180m², mục đích trồng cà phê, được cấp Giấy CNQSDĐ vào ngày 28/11/1995, số D 0347557 mang tên Hộ ông **Đinh Công T**, trên đất không có cây trồng.

Hiện nay các thửa đất này ông **Đinh Công H2** đang tạm quản lý, sử dụng. Ngoài 03 thửa đất nêu trên không còn tài sản gì khác.

Sau khi ông **T**, bà **H8** mất thì không để lại di chúc. Do vậy đề nghị Tòa án phân chia đối với các thửa đất là di sản nêu trên, nguyện vọng của chúng tôi đề nghị Tòa án chia đều hết cho 08 người con còn lại (ngoại trừ ông **Đinh Công Hoàng H3** đã có văn bản từ chối nhận di sản và bà **Đinh Thị Ngọc H9**, sinh năm

1960 (Đã chết năm 1976). Giá trị mỗi thửa tạm tính là 200.000.000. Tổng tài sản 03 thửa đất giá trị 600.000.000 đồng.

Bị đơn ông Đinh Công H2 trình bày:

Ông H2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do sức khỏe không đảm bảo nên ông H2 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Đinh Công H5 trình bày:

Bố ông H5 là ông Đinh Công T, sinh năm 1930 (đã chết năm 2016) và mẹ ông H5 là bà Nguyễn Thị H8, sinh năm 1929 (đã chết năm 2016). Quá trình chung sống với nhau bố mẹ ông H5 có 10 người con chung gồm ông Đinh Công Hoàng H3, sinh năm 1952; bà Đinh Thị Kim H1, sinh năm 1954; ông Đinh Công H2, sinh năm 1956; bà Đinh Thị Thu H, sinh năm 1959; bà Đinh Thị Ngọc H9 (đã chết); bà Đinh Thị Vân H4, sinh năm 1962; ông Đinh Công H5, sinh năm 1964; ông Đinh Công H6, sinh năm 1966; bà Đinh Thị Yên V, sinh năm 1969; ông Đinh Công H7, sinh năm 1973.

Quá trình chung sống bố mẹ ông H5 chỉ tạo lập được 01 tài sản chung là: 01 thửa đất số 318, tờ bản đồ số 7, diện tích 760 m²; GCNQSDĐ số D 03475278 cấp ngày 28/11/1995 cho hộ ông Đinh Công T. Nguồn gốc của thửa đất này là do bố mẹ ông H5 mua của gia đình ông Cả N1 (tên thường gọi) vào năm 1976. Hiện tại thửa đất này đang do ông Đinh Công H2 quản lý, sử dụng.

- Còn đối với thửa đất số 316, tờ bản đồ số 7, diện tích 2840 m²; GCNQSDĐ số D 0347529 cấp ngày 28/11/1995 cho hộ ông Đinh Công T. Nguồn gốc thửa đất này là do các anh em gồm ông H5, ông H2, ông H6 cùng bỏ tiền ra mua vào khoảng năm 1995 nhưng vẫn để cho bố mẹ tôi đứng tên. Khi các anh em ông H5 mua thửa đất này thì các chị Đinh Thị Thu H, Đinh Thị Kim H1 đã đi lấy chồng và tách khẩu, còn các anh chị em còn lại là vẫn ở cùng với bố mẹ trong gia đình. Thửa đất này hiện tại đã bị Nhà nước thu hồi 1/2 diện tích để làm đường đại lộ Đ. Phần diện tích còn lại thì đang do ông H2 quản lý, sử dụng và hiện tại đã xây dựng 01 nhà từ đường ở trên đất để cho các anh chị em làm nơi thờ cúng tổ tiên.

- Còn đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 13, diện tích 4180 m², GCNQSDĐ số D 0347557 cấp ngày 28/11/1995 cho hộ ông Đinh Công T. Nguồn gốc của thửa đất này là do vào năm 1995 UBND xã H, TP. có chủ trương cấp đất cho những người dân canh tác cà phê, nên ông H5 có viết giấy xin cấp đất và được cấp phần diện tích đất là 4180 m². Tuy nhiên, GCNQSDĐ thì vẫn để tên cho bố mẹ ông H5 đứng tên. Thời điểm được cấp đất thì các chị Đinh Thị Thu H, Đinh Thị Kim H1 đã đi lấy chồng và tách khẩu, còn các anh chị em còn lại là vẫn ở cùng với bố mẹ trong gia đình. Thửa đất này hiện tại đang do ông H2 quản lý, sử dụng.

Ngoài các tài sản này ra thì bố mẹ ông H5 không còn để lại tài sản nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thu H, bà Đinh Thị Kim H1 thì ông H5 không đồng ý. Ông H5 chỉ đồng ý chia thừa kế đối với thửa đất số 318, tờ bản đồ số 7, diện tích 760 m²; GCNQSDĐ số D 03475278 cấp ngày 28/11/1995 cho hộ ông Đinh Công T. Phần di sản thừa kế này sẽ chia đều cho các anh em trong gia đình.

- Đối với thửa đất số 316, tờ bản đồ số 7, diện tích 2840 m²; GCNQSDĐ số D 0347529 cấp ngày 28/11/1995 cho hộ ông **Đinh Công T** thì sẽ không chia thừa kế, để cho các anh em làm nơi thờ cúng tổ tiên (vì đã làm nhà từ đường).

- Còn đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 13, diện tích 4180 m²; GCNQSDĐ số D 0347557 cấp ngày 28/11/1995 cho hộ ông **Đinh Công T** thì sẽ để cho ông **H2** tiếp tục quản lý, sử dụng.

Hiện tại, ông **H5** không có tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà **H**, bà **H1** để cung cấp cho Tòa án. Khi nào có ông **H5** sẽ cung cấp sau. Ngoài ra, nếu Tòa án triệu tập làm việc tại Tòa án ông **H5** cam kết sẽ tham gia đầy đủ để trình bày ý kiến cũng như để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Bà Đinh Thị Yến V trình bày:

Bà **Đinh Thị Yến V** đồng ý với yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của bà **Đinh Thị Thu H**, bà **Đinh Thị Kim H1**, quan điểm của bà **V** giống như tại đơn khởi kiện, phần trình bày tại bản tự khai ngày 20/5/2023 của bà **Đinh Thị Thu H**. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Công Hoàng H3 là bà Đinh Thị Yến V trình bày:

Bà **V** giữ nguyên quan điểm tại văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của ông **H3** đối với di sản của ông **Đinh Công T** và bà **Nguyễn Thị H8**. Ngoài ra, bà **V** không có yêu cầu, ý kiến gì thêm. Đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, phân chia di sản theo quy định của pháp luật.

Bà Đinh Thị Vân H4 trình bày:

Bà **H4** đồng ý với yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của bà **Đinh Thị Thu H**, bà **Đinh Thị Kim H1**, quan điểm của bà **H4** giống như tại đơn khởi kiện, phần trình bày tại bản tự khai ngày 20/5/2023 của bà **Đinh Thị Thu H**. Ngoài ra, **H** không có yêu cầu, ý kiến gì thêm. Đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, phân chia di sản trên theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà **Đinh Thị Kim H1**, bà **Đinh Thị Thu H**.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của người thừa kế ông **Đinh Công Hoàng H3** về việc từ chối nhận di sản thừa kế của ông **Đinh Công T**, bà **Nguyễn Thị H8**.

Phân chia di sản thừa kế của ông **Đinh Công T**, bà **Nguyễn Thị H8** là tài sản trên đất và quyền sử dụng đất của các thửa đất số 316, tờ bản đồ số 07, diện tích còn lại sau khi Nhà nước thu hồi đất là 1558,6m²; thửa đất số 318, tờ bản đồ số 7, diện tích đất là 719,3m² và thửa đất số 141, tờ bản đồ số 13 diện tích đất là 3992,3 m². Các thửa đất tọa lạc tại **xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

3. Đối với thửa đất thứ nhất:

Diện tích còn lại sau khi Nhà nước thu hồi đất là 1558,6m², thuộc thửa đất số 316, tờ bản đồ số 07 cũ, phân chia như sau:

3.1. Giao cho bà **Đinh Thị Kim H1** quản lý, sử dụng diện tích đất 194,82 m² (đã làm tròn). Có tứ cận:

+ Phía nam giáp **đường V**, dài 19,13m;

+ Phía đông giáp phần đất được chia cho bà **Đinh Thị Thu H**, dài 21,13m;

- + Phía bắc có góc đỉnh giáp thửa đất số 274, tờ bản đồ số 55;
- + Phía tây giáp thửa đất số 274, tờ bản đồ số 55, dài 25,33m (1,06m + 18,36m + 5,91m).

3.2. Giao cho bà **Đinh Thị Thu H** quản lý, sử dụng diện tích đất 194,82 m² (đã làm tròn). Có tứ cận:

- + Phía nam giáp **đường V**, dài 7,78 m;
- + Phía đông giáp phần đất được chia cho bà **Đinh Thị Vân H4**, dài 29,60m;
- + Phía bắc giáp thửa đất số 274 và thửa 833, tờ bản đồ số 55, dài 10,26m (8,12m+2,14m);
- + Phía Tây giáp phần đất chia cho bà **Đinh Thị Kim H1**, dài 21,13m;

3.3. Giao cho bà **Đinh Thị V1** Hoan quản lý, sử dụng diện tích đất 194,82 m² (đã làm tròn). Có tứ cận:

- + Phía nam giáp **đường V**, dài 6,20m;
- + Phía đông giáp phần đất được chia cho bà **Đinh Thị Yên V**, dài 34,74m;
- + Phía bắc giáp thửa đất số 833, tờ bản đồ số 55, dài 7,17m;
- + Phía Tây giáp phần đất được chia cho bà **Đinh Thị Thu H**, dài 29,60m.

3.4. Giao cho bà **Đinh Thị Y Vy** quản lý, sử dụng diện tích đất 194,82 m² (đã làm tròn). Có tứ cận:

- + Phía nam giáp **đường V**, dài 5,39m;
- + Phía đông giáp phần đất được chia cho ông **Đinh Công H2, Đinh Công H6, Đinh Công H5 và Đinh Công H7**, dài 39,22m;
- + Phía bắc giáp thửa đất số 833, tờ bản đồ số 55, dài 6,24m;
- + Phía Tây giáp phần đất được chia cho bà **Đinh Thị Vân H4**, dài 34,74m.

3.5. Giao cho các ông **Đinh Công H2, Đinh Công H6, Đinh Công H5 và Đinh Công H7** quản lý, sử dụng diện tích đất 779,3 m² còn lại. Có tứ cận:

- + Phía nam giáp **đường V**, dài 26,58m;
- + Phía đông giáp thửa đất số 600, tờ bản đồ 55 và các thửa 369, 370 tờ bản đồ số 59, dài 54,24m (1,01m + 19,37m + 6,27m + 0,46m + 2,34m + 4,09m + 3,56m + 17,14m);
- + Phía bắc giáp thửa đất số 833, tờ bản đồ số 55, dài 8,27m;
- + Phía Tây giáp phần đất được chia cho bà **Đinh Thị Yên V**, dài 39,22m;

3.6. Giao cho ông **Đinh Công H2** sử dụng, quản lý 01 căn nhà 02 tầng, kết cấu gỗ, nền lát gạch ceramic, không trần, sàn gỗ, mái lợp tôn thiếu và 01 căn nhà bếp cấp 4, móng xây đá hộc, tường xây gạch; 01 nhà chòi, trụ gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng. Có tổng diện tích $83,2\text{m}^2 + 80,8\text{m}^2 + 5,43\text{m}^2 + 18,9\text{m}^2 = 188,33\text{m}^2$ như **Công ty TNHH Đ** đã đo vẽ.

4. Đối với thửa đất thứ hai:

Diện tích đất là 719,3m², thửa đất số 318, tờ bản đồ số 7 cũ, phân chia như sau:

4.1. Giao cho bà **Đinh Thị Kim H1** quản lý, sử dụng diện tích đất 89,91 m² (Đã làm tròn). Có tứ cận:

- + Phía nam giáp thửa đất số 280, tờ bản đồ 55, dài 20,71m;
- + Phía đông giáp **đường bê tông**, dài 4,33m;
- + Phía bắc giáp phần diện tích đất được chia cho bà **Đinh Thị Thu H**, dài 20,95m;

+ Phía tây giáp thửa đất số 559, tờ bản đồ số 55, dài 4,35m;

4.2. Giao cho bà **Đinh Thị Thu H** quản lý, sử dụng diện tích đất 89,91 m² (Đã làm tròn). Có tứ cận:

+ Phía nam giáp phần đất được chia cho bà **Đinh Thị Kim H1**, dài 20,95m;

+ Phía đông giáp đường bê tông, dài 4,28m;

+ Phía bắc giáp phần diện tích đất được chia cho bà **Đinh Thị Vân H4**, dài 21,20m;

+ Phía tây giáp thửa đất số 559, tờ bản đồ số 55, dài 4,30m;

4.3. Giao cho bà **Đinh Thị V1** Hoan quản lý, sử dụng diện tích đất 89,91 m² (Đã làm tròn). Có tứ cận:

+ Phía nam giáp phần đất được chia cho bà **Đinh Thị Thu H**, dài 21,20m;

+ Phía đông giáp đường bê tông, dài 4,23m;

+ Phía bắc giáp phần diện tích đất được chia cho bà **Đinh Thị Yên V**, dài 21,44m;

+ Phía tây giáp thửa đất số 559, tờ bản đồ số 55, dài 4,25m;

4.4. Giao cho bà **Đinh Thị Y Vy** quản lý, sử dụng diện tích đất 89,91 m² (Đã làm tròn). Có tứ cận:

+ Phía nam giáp phần đất được chia cho bà **Đinh Thị Vân H4**, dài 21,44m;

+ Phía đông giáp đường bê tông, dài 4,17m;

+ Phía bắc giáp phần diện tích đất được chia cho ông **Đinh Công H2**, **Đinh Công H6**, **Đinh Công H5** và **Đinh Công H7**, dài 21,17m;

+ Phía tây giáp thửa đất số 559, tờ bản đồ số 55, dài 4,20m;

4.5. Giao cho các ông **Đinh Công H2**, **Đinh Công H6**, **Đinh Công H5** và **Đinh Công H7** quản lý, sử dụng diện tích đất 359,65 m² còn lại. Có tứ cận:

+ Phía nam giáp phần đất được chia cho bà **Đinh Thị Yên V**, dài 21,17m;

+ Phía đông giáp đường bê tông, dài 18,11m;

+ Phía bắc giáp đường bê tông, dài 22,62m;

+ Phía tây giáp thửa đất số 559, tờ bản đồ số 55, dài 14,51;

4.6. Giao cho ông **Đinh Công H2** sử dụng, quản lý 01 căn nhà cấp 4, dùng làm kho, móng xây đá hộc, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có diện tích 45,4m² như **Công ty TNHH Đ** đã đo vẽ.

5. Đối với thửa đất thứ ba: Diện tích đất là 3992,3 m², thửa đất số 141, tờ bản đồ số 13 cũ, phân chia như sau:

5.1. Giao cho các bà **Đinh Thị Kim H1**, **Đinh Thị Thu H**, **Đinh Thị Vân H4** và bà **Đinh Thị Y Vy** quản lý, sử dụng diện tích đất 1996,15m². Có tứ cận:

+ Phía nam giáp thửa đất số 299, tờ bản đồ số 72, dài 37,80m;

+ Phía đông giáp phần đất được chia cho ông **Đinh Công H2**, **Đinh Công H6**, **Đinh Công H5** và **Đinh Công H7**, dài 105,07m (97,16m + 7,91m);

+ Phía bắc giáp đường nhựa, dài 19,13m;

+ Phía tây giáp thửa đất số 61, tờ bản đồ số 72, dài 104,83m (96,31m + 8,52m).

5.2. Giao cho các ông **Đinh Công H2**, **Đinh Công H6**, **Đinh Công H5** và **Đinh Công H7** quản lý, sử dụng diện tích đất 1996,15m² còn lại. Có tứ cận:

+ Phía nam giáp thửa đất số 299, tờ bản đồ số 72, dài 37,80m;

+ Phía đông giáp các thửa đất số 46,52; tờ bản đồ số 72, dài 105,3m (44,58m + 7,30m + 53,42m);

+ Phía bắc giáp đường nhựa, dài 19,09m;

+ Phía Tây giáp phần đất được chia cho các bà [Đinh Thị Kim H1](#), [Đinh Thị Thu H](#), [Đinh Thị Vân H4](#) và bà [Đinh Thị Yến V](#), dài 105,07m (97,16m + 7,91m);

6. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản trên đất khác có giá trị nhỏ hoặc không còn giá trị sử dụng và không yêu cầu Tòa án phải bù trừ lại giá trị chênh lệch của các kỷ phần sau khi được chia đối với các tài sản trên đất.

7. Diện tích, kích thước, hình thể của phần đất các đương sự được chia cụ thể theo bản đồ, số liệu mà [Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ](#) đo vẽ kèm theo Bản án này.

Tất cả các đương sự trong vụ án có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành kê khai, đăng ký, thực hiện các trình tự, thủ tục... để yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai đối với phần diện tích đất được phân chia theo nội dung quyết định của Bản án này và theo bản đồ, số liệu mà [Công ty TNHH Đ](#) đã đo vẽ diện tích đất được phân chia đối với từng thửa đất, việc cấp giấy CNQSDĐ căn cứ vào yêu cầu, đề nghị của đương sự; phù hợp về diện tích, diện tích thổ cư và ranh giới, quy hoạch về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, [Đinh Công H2](#) kháng cáo đề nghị xác định lại giá đất cho phù hợp với thực tế và chia lại hiện vật cho phù hợp hiện trạng.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, [Đinh Công H7](#) kháng cáo đề nghị điều chỉnh lại chỗ ở của ông, định giá lại toàn bộ giá trị lô đất đúng với quy định, xem xét lại cách phân chia các lô đất cho các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông [Đinh Công H2](#), ông [Đinh Công H7](#) và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo ông [Đinh Công H2](#), ông [Đinh Công H7](#); Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về xác định lại giá đất cho phù hợp với thực tế; thấy rằng theo biên bản định giá ngày 29/8/2024 đã xác định giá thị trường là đã được các bên đương sự thống nhất không có ý kiến gì trong đó ông [H2](#) không chứng minh được hiện nay có sự thay đổi giá, hơn nữa di sản chia hiện vật nên không chấp nhận kháng cáo ông [H2](#).

[2] Về chia lại hiện vật cho phù hợp hiện trạng; thấy rằng án sơ thẩm đã phân chia bằng hiện vật cho các đương sự là phù hợp với thực sử dụng, tài sản gắn liền với đất, cũng như tỉ phần mà các bên được nhận thừa kế, cụ thể:

[2.1] Đối với di sản là thửa đất số 316, tờ bản đồ số 7:

Di sản là quyền sử dụng đất; diện tích thừa đất còn lại sau khi Nhà nước thu hồi đất thực tế là 1558,6m², di sản này được phân chia thành 02 phần, mỗi phần có diện tích 779,3 m²;

+ Giao cho bà H1, bà H, bà H4, bà V phần đất có diện tích 779,3 m². Phần diện tích đất bà H1 được nhận giáp thửa đất số 10, tờ bản đồ số 59 (bản đồ đo đạc năm 2014), sau đó lần lượt là bà H, bà H4 và cuối cùng là bà V. Mỗi người được nhận phần diện tích đất tương ứng 194,825 m².

+ Cho cho ông H2, ông H6, ông H5 và ông H7 phần đất có diện tích 779,3 m² còn lại quản lý, sử dụng; trên phần diện tích có ngôi nhà xây cấp 4 nối liền nhà gỗ phía trước giao cho ông H2 quản lý, sử dụng. Do ông H7, ông H6 không có quan điểm, ý kiến về việc phân chia, không tham gia tố tụng tại Tòa án nên Tòa án xác định 04 phần đất này là tài sản chung của ông H5, H7, H6 và ông H2 là phù hợp.

[2.2] Đối với di sản là thửa đất số 318, tờ bản đồ số 7, đất có thổ cư:

Di sản là quyền sử dụng đất, có diện tích sau khi đo đạc thực tế là 719,3m² được phân chia thành 02 phần, mỗi phần có diện tích 359,65 m²;

+ Giao cho bà H1, bà H, bà H4, bà V phần diện tích 359,65 m². Phần diện tích đất bà H1 được nhận giáp thửa đất số 280, tờ bản đồ số 55 (bản đồ đo đạc năm 2014), sau đó lần lượt là bà H, bà H4 và cuối cùng là bà V. Mỗi người được nhận phần diện tích đất tương ứng là 89,9125 m² (làm tròn 89,91m²).

+ Cho cho ông H2, ông H6, ông H7 phần diện tích 359,65 m² còn lại, trên phần diện tích có ngôi nhà kho ông H2 đang quản lý, sử dụng. Do ông H7, ông H6 không có quan điểm, ý kiến về việc phân chia, không tham gia tố tụng tại Tòa án nên Tòa án xác định 04 phần đất này là tài sản chung của ông H5, H7, H6 và ông H2.

[2.3] Đối với di sản là thửa đất số 141, tờ bản đồ số 13, đất nông nghiệp:

Di sản là quyền sử dụng đất; xét yêu cầu, nguyện vọng của các đương sự đều mong muốn được sở hữu một phần diện tích này. Tuy nhiên, khi xem xét phân chia cần tuân thủ quy định, điều kiện tách thửa đối với thửa đất nông nghiệp tại địa phương. Do đó, phần di sản có diện tích sau khi đo đạc thực tế là 3992,3m² được phân chia thành 02 kỷ phần bằng nhau, mỗi phần có diện tích 1996,15 m² là phù hợp, cụ thể phân chia như sau:

+ Giao cho bà H1, bà H, bà H4, bà V phần diện tích 1996,15 m², phần thửa đất này bà H1, bà H, bà H4 và bà V được nhận giáp thửa đất liền kề là thửa đất số 61, tờ bản đồ số 72, chiều dài phần đất kéo dọc từ mặt giáp đường tới hết thửa đất, phần đất được chia là tài sản chung của ông H5, H7, H6 và ông H2.

+ Giao cho ông H2, ông H6, ông H7, ông H5 phần diện tích 1996,15 m² còn lại, trên phần diện tích có 01 nhà chòi nhỏ, phần đất được chia là tài sản chung của ông H5, H7, H6 và ông H2.

[2.4] Các đương sự chỉ yêu cầu Tòa án đều yêu cầu được phân chia bằng hiện vật theo từng thửa đất và chia di sản thừa kế là 03 quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật, không xem xét đến các tài sản trên đất khác vì có giá trị nhỏ hoặc không còn giá trị sử dụng, ngoại trừ căn nhà tại thửa đất số 316, tờ bản đồ số 7 đề nghị được giao lại cho ông H2. Đồng thời, ông H3, các bà H1, H, V, H4 đều không yêu cầu Tòa án phải bù trừ lại giá trị chênh lệch của

các kỹ phân đôi với các tài sản này khi được phân chia, việc phân này là có lợi cho các ông H2, H7, H5 và H6.

[3] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định giá trị, phân chia di sản thừa kế cho các bên đương sự trong vụ án phù hợp và đúng pháp luật nên hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đình Công H2, ông Đình Công H7 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[4] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông H2 được miễn án phí dân sự phúc thẩm, ông H7 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đình Công H2, ông Đình Công H7 và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

2.1. Ông Đình Công H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

2.2. Ông Đình Công H7 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0000059 ngày 18/3/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, ông H7 đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường